

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc quy định chế độ đối với vận động viên, huấn luyện viên  
và chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao của tỉnh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg ngày 06/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao được tập trung tập huấn và thi đấu;

Căn cứ các Thông tư liên tịch: số 149/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 07/11/2011 của Bộ Tài chính - Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành tích cao; số 149/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH-BVHTTDL ngày 12/9/2012 của Bộ Tài chính - Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội - Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg; số 200/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 30/12/2011 của Bộ Tài chính - Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao;

Căn cứ kết luận của Chủ tịch tại cuộc họp giao ban Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND tỉnh ngày 24/9/2012;

Theo đề nghị của liên ngành Văn hoá, Thể thao và Du lịch - Tài chính tại Tờ trình số 136/TTr-SVHTTDL-STC ngày 21/9/2012 về việc thực hiện chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao và chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao của tỉnh Hưng Yên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Đối tượng áp dụng**

1. Vận động viên, huấn luyện viên các đội tuyển thể dục thể thao cấp tỉnh.
2. Giáo viên, học sinh Trường Nghiệp vụ Thể dục thể thao cấp tỉnh.
3. Học sinh các đội tuyển tham gia các giải quốc gia, Hội khoẻ Phù Đổng toàn quốc.
4. Vận động viên, huấn luyện viên các đội của ngành, huyện, thành phố trong tỉnh.
5. Vận động viên khuyết tật.
6. Thành viên Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức và các tiểu ban chuyên môn Đại hội thể dục thể thao, giải thể thao các cấp.
7. Trọng tài, giám sát, thư ký điều hành các trận đấu; Công an, y tế, bảo vệ, nhân viên phục vụ và các lực lượng khác liên quan hoặc phục vụ tại các điểm tổ chức thi đấu.

## **Điều 2. Chế độ dinh dưỡng đối với vận động viên, huấn luyện viên**

1. Chế độ dinh dưỡng trong tập luyện thường xuyên (đồng/người/ngày) đối với vận động viên, huấn luyện viên tại Trường Nghiệp vụ Thể dục thể thao tỉnh. (Trừ những ngày lễ, tết):

- Vận động viên cấp kiện tướng, cấp 1; VĐV đội Bóng chuyên hạng A1, đội mạnh: 120.000đ;
- Vận động viên không có đẳng cấp: 80.000đ;
- Huấn luyện viên: 100.000đ.

2. Chế độ bồi dưỡng huấn luyện viên, vận động viên (đồng/người/ngày) đối với các lớp nghiệp dư nâng cao của tỉnh, thời gian hưởng tối đa không quá 3 ngày một tuần:

- Huấn luyện viên: 100.000đ;
- Vận động viên: 30.000đ.

3. Chế độ dinh dưỡng, tiền công (đồng/người/ngày) đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành tích cao trong thời gian tập trung tập luyện, tập trung thi đấu các giải thể thao khu vực, toàn quốc; vận động viên khuyết tật thuộc địa phương quản lý khi được cấp có thẩm quyền triệu tập tập huấn và thi đấu:

TT	Nội dung	Tiền ăn tập luyện	Tiền ăn thi đấu
1	Đội tuyển tỉnh	150.000đ	200.000đ
2	Đội tuyển trẻ tỉnh	120.000đ	150.000đ
3	Đội tuyển năng khiếu các cấp	90.000đ	150.000đ
4	Đội tuyển cấp huyện	90.000đ	120.000đ
5	Đội tuyển năng khiếu cấp huyện	90.000đ	100.000đ

Huấn luyện viên, vận động viên tham gia giải thể thao quần chúng cấp quốc gia; vận động viên, huấn luyện viên các đội tuyển của ngành Giáo dục tham gia tập huấn và thi đấu các giải vô địch và Hội khoẻ Phù Đổng toàn quốc được hưởng chế độ như đội tuyển trẻ cấp tỉnh.

4. Thuộc bổ tăng lực, nước uống đối với vận động viên thể thao: Căn cứ vào khả năng ngân sách được cân đối trong dự toán chi sự nghiệp thể dục thể thao hàng năm và tính đặc thù của từng môn thi đấu, Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch quyết định cho từng đối tượng được hưởng .

## **Điều 3. Chế độ tiền công, bảo hiểm xã hội cho vận động viên, huấn luyện viên**

1. Chế độ tiền công: Mức chi tiền công cho một người một ngày trong thời gian tập trung tập huấn và thi đấu như sau:

- Huấn luyện viên đội tuyển cấp tỉnh: 120.000đ;
- Huấn luyện viên đội tuyển trẻ, năng khiếu cấp tỉnh: 90.000đ;
- Huấn luyện viên đội tuyển cấp huyện: 70.000đ;
- Vận động viên đội tuyển cấp tỉnh: 80.000đ;
- Vận động viên đội tuyển trẻ, năng khiếu cấp tỉnh: 40.000đ;
- Vận động viên đội tuyển cấp huyện: 25.000đ.

2. Đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao hưởng lương từ ngân sách nhà nước:

- Trong thời gian tập trung tập huấn và thi đấu được hưởng nguyên lương tại cơ quan, tổ chức quản lý vận động viên, huấn luyện viên. Trường hợp mức tiền lương theo ngày (tiền lương tháng chia 22 ngày) thấp hơn mức tiền công quy định tại điều này thì được cơ quan, tổ chức sử dụng vận động viên, huấn luyện viên chi trả phần chênh lệch để đảm bảo bằng các mức quy định tương ứng.

- Trường hợp vận động viên, huấn luyện viên thể thao có thời gian thực tế tập huấn và thi đấu cao hơn số ngày làm việc tiêu chuẩn trong tháng (nhiều hơn 22 ngày/tháng) thì cơ quan, tổ chức sử dụng vận động viên, huấn luyện viên trả tiền công bằng mức quy định cho số ngày cao hơn ngày làm việc tiêu chuẩn.

- Khoản bù chênh lệch giữa tiền lương và tiền công trả cho số ngày làm việc cao hơn số ngày làm việc tiêu chuẩn quy định này không được dùng để tính đóng và hưởng các chế độ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội.

3. Chế độ hỗ trợ cho vận động viên đẳng cấp quốc gia, vận động viên các môn thể thao tập thể đạt hạng mạnh quốc gia:

a) Vận động viên đạt đẳng cấp quốc gia được hỗ trợ thêm hàng tháng như sau:

- Vận động viên kiện tướng: 2,5 lần mức lương tối thiểu.

- Vận động viên dự bị kiện tướng và cấp I: 2,0 lần mức lương tối thiểu.

- Vận động viên đạt Huy chương Vàng Đại hội thể dục thể thao toàn quốc, phá kỷ lục quốc gia và Huy chương Quốc tế thì mỗi tháng được hỗ trợ 3,0 lần mức lương tối thiểu trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày có quyết định công nhận.

b) Vận động viên các môn thể thao tập thể đạt hạng mạnh quốc gia, ngoài các chế độ theo quy định được hỗ trợ thêm hàng tháng bằng 5 lần mức lương tối thiểu.

4. Chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trợ cấp đối với các vận động viên, huấn luyện viên trong đội tuyển của tỉnh, đội tuyển trẻ của tỉnh được hưởng trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu thực hiện theo Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg ngày 06/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

#### **Điều 4. Chế độ tiền thưởng cho vận động viên, huấn luyện viên**

1. Mức thưởng bằng tiền đối với các vận động viên lập thành tích tại các cuộc thi đấu thể dục thể thao:

1.1. Vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu quốc tế mức thưởng thực hiện theo quy định tại Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg ngày 06/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

1.2. Vận động viên lập thành tích tại giải vô địch quốc gia mức thưởng như sau:

- Huy chương vàng : 7.000.000đ;

- Huy chương bạc: 5.000.000đ;

- Huy chương đồng: 4.000.000đ;

- Vận động viên phá kỷ lục quốc gia, Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc được cộng thêm 30% mức thưởng tương ứng.

1.3. Vận động viên lập thành tích tại các cuộc thi đấu vô địch trẻ quốc gia và tương đương; mức thưởng được quy định theo lứa tuổi, cụ thể như sau:

- Giải thể thao vô địch trẻ quốc gia dành cho vận động viên dưới 12 tuổi: Mức thưởng tối đa bằng 20% mức thưởng tương ứng quy định tại mục 1.2;

- Giải thể thao vô địch trẻ quốc gia dành cho vận động viên từ 12 tuổi đến dưới 16 tuổi: Mức thưởng tối đa bằng 30% mức thưởng tương ứng quy định tại mục 1.2;
- Giải thể thao vô địch trẻ quốc gia dành cho vận động viên từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi: Mức thưởng tối đa bằng 40% mức thưởng tương ứng quy định tại mục 1.2;
- Giải vô địch trẻ quốc gia dành cho vận động viên từ 18 tuổi đến dưới 21 tuổi: Mức thưởng tối đa bằng 50% mức thưởng tương ứng quy định tại mục 1.2.

1.4. Đối với các môn thể thao có nội dung thi đấu đồng đội (mà thành tích thi đấu của từng cá nhân và đồng đội được xác định trong cùng một lần thi đấu), số lượng vận động viên được thưởng khi lập thành tích theo quy định của điều lệ giải. Mức thưởng chung bằng số lượng vận động viên nhân với 50% mức thưởng tương ứng quy định trên.

2. Mức thưởng bằng tiền đối với các huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích tại các cuộc thi đấu thể dục thể thao:

2.1. Đối với thi đấu cá nhân: những huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích trong các cuộc thi đấu thể thao thì mức thưởng chung được tính bằng mức thưởng đối với vận động viên. Tỷ lệ phân chia tiền thưởng được thực hiện theo nguyên tắc: Huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện đội tuyển được 60%, huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên cơ sở trước khi tham gia đội tuyển được 40%.

2.2. Đối với thi đấu tập thể: Những huấn luyện viên trực tiếp đào tạo đội tuyển thi đấu lập thành tích thì được hưởng mức thưởng chung bằng số lượng huấn luyện viên theo quy định nhân với mức thưởng tương ứng đối với vận động viên đạt giải. Số lượng huấn luyện viên của các đội được xét thưởng được quy định theo mức sau:

- Đối với các đội thuộc những môn có quy định từ 2 đến 5 vận động viên tham gia thi đấu: Mức thưởng chung tính cho 01 huấn luyện viên.

- Đối với các đội thuộc những môn có quy định từ 6 đến 12 vận động viên tham gia thi đấu: Mức thưởng chung tính cho 02 huấn luyện viên.

- Đối với các đội thuộc những môn có quy định từ 13 vận động viên trở lên: Mức thưởng chung tính cho 03 huấn luyện viên.

2.3. Đối với môn thể thao thi đấu đồng đội: Mức thưởng chung cho huấn luyện viên bằng số lượng huấn luyện viên quy định tại mục 2.2 nhân với 50% mức thưởng tương ứng.

2.4. Huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải thuộc hệ thống thi đấu thể thao quần chúng cấp quốc gia được thưởng bằng 50% mức thưởng tương ứng cho huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các cuộc thi đấu vô địch quốc gia.

2.5 Vận động viên đạt được nhiều huy chương trong một giải đấu sẽ được thưởng tất cả các huy chương đã đạt được.

## **Điều 5. Chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao; đồng diễn, điều hành, xếp hình, xếp chữ Đại hội Thể dục thể thao, Hội khoẻ phù đổng.**

1. Mức chi cho Đại hội Thể dục thể thao cấp tỉnh, Giải thi đấu thể thao cấp tỉnh, Hội khoẻ Phù Đổng cấp tỉnh:

- Tiền ăn: Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức, các tiểu ban chuyên môn, trọng tài, giám sát điều hành, thư ký các giải thi đấu trong quá trình tổ chức giải (bao gồm cả thời gian tối đa 02 ngày trước ngày thi đấu để làm công tác chuẩn bị tổ chức giải, tập huấn trọng tài và 01 ngày sau thi đấu): 150.000 đồng/người/ngày.

- Tiền làm nhiệm vụ:
- + Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức, Trưởng, phó các tiểu ban chuyên môn: 80.000 đồng/người/ngày.
- + Thành viên tiểu ban chuyên môn: 60.000 đồng/người/ngày.
- + Giám sát, trọng tài chính: 60.000 đồng/người/buổi (riêng môn Bóng đá 120.000 đồng/người/buổi).
- + Thư ký, trọng tài khác: 50.000 đồng/người/buổi (riêng môn Bóng đá 90.000 đồng/người/buổi).
- + Công an, y tế; lực lượng làm nhiệm vụ trật tự, bảo vệ, nhân viên phục vụ: 45.000 đồng/người/buổi.
- + Trường hợp tiền làm nhiệm vụ được tính theo buổi thi đấu hoặc trận thi đấu thì mức thanh toán được tính theo thực tế nhưng không quá 3 buổi hoặc 3 trận đấu/người/ngày.

2. Mức chi tổ chức đồng diễn, diễu hành đối với Đại hội thể dục thể thao cấp tỉnh, Hội khỏe Phù Đổng cấp tỉnh:

- Mức chi sáng tác, dàn dựng, đạo diễn các màn đồng diễn: Thanh toán theo hợp đồng kinh tế giữa Ban Tổ chức với các cá nhân tổ chức, phù hợp với quy định hiện hành của nhà nước.

- Bồi dưỡng đối tượng tham gia đồng diễn, diễu hành, xếp hình, xếp chữ:

- + Người tham gia tập luyện: 30.000 đồng/người/buổi.
- + Người tham gia tổng duyệt (tối đa 2 buổi): 40.000 đồng/người/buổi.
- + Người tham gia biểu diễn chính thức: 70.000 đồng/người/buổi.
- + Giáo viên quản lý, hướng dẫn: 60.000 đồng/người/buổi.

3. Đại hội Thể dục thể thao, giải thể thao do ngành, cấp huyện, cấp xã tổ chức: Tùy theo điều kiện kinh phí của ngành, huyện, xã nhưng mức chi các giải thể thao cấp ngành và cấp huyện tối đa không quá 75% chế độ quy định của cấp tỉnh; cấp xã chi tối đa không quá 50% chế độ cấp tỉnh.

#### **Điều 6. Nguồn kinh phí thực hiện.**

Nguồn kinh phí chi trả chế độ đối với vận động viên, huấn luyện viên thể dục thể thao được bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm của sự nghiệp thể dục thể thao cấp tỉnh.

**Điều 7.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2013, thay thế Quyết định số 05/2010/QĐ-UBND ngày 12/4/2010 của UBND tỉnh Hưng Yên; Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã trong tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành././*thuyent*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

**Nơi nhận:**

- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP;
- CV: TH<sup>T</sup>, VHXH;
- Lưu: VT.



**Nguyễn Khắc Hòa**